

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15/7/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký TAND huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị N**, sinh năm 1977; ĐKKHKT (địa chỉ cũ): Thôn N, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Nay là: thôn N, xã T, Thành phố Hải Phòng. CCCD số: 030177009....

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980; ĐKKHKT (địa chỉ cũ): Thôn N, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Nay là: thôn N, xã T, Thành phố Hải Phòng. CCCD số: 030080006....

- Người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1949. Trú tại (địa chỉ cũ): thôn N, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nay là: thôn N, xã T, Thành phố Hải Phòng.

+ Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1948; Trú tại (địa chỉ cũ): thôn N, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nay là: thôn N, xã Đ, Thành phố Hải Phòng.

Chị N có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt và vắng mặt người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị **Đoàn Thị N** trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn H** kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ

ngày 12/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ chồng một thời gian ngắn ra ở riêng. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh H mãi chơi, không quan tâm gì đến vợ con, mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình đều do một mình chị gánh vác. Từ đó mà vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2024, chị đã đưa các con đi thuê nhà trọ ở, vợ chồng ly thân đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 09/12/2013 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/7/2016, hiện cả hai con chung đang ở với chị, do anh H đi làm tối ngày, không có thời gian chăm sóc các con. Vì vậy, chị xin được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm lao động tự do, mức thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng, sau khi ly hôn, chị sẽ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, bố mẹ chị có chỗ ở rộng rãi, có phòng riêng cho mẹ con chị sinh sống.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và nhiều lần triệu tập anh H đến làm việc, tham gia hòa giải thông qua đại diện gia đình là bố anh H, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

+ Kết quả làm việc với ông Nguyễn Văn H1 (bố anh H) xác định: Anh H, chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với vợ chồng ông một thời gian thì ra ở riêng. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N ngoại tình bị anh H bắt quả tang. Khi Tòa án giao các văn bản tố tụng, ông đã trực tiếp giao cho anh H. Khi nhận văn bản, anh H có ý kiến do chị N không chung thủy nên đã tự làm đơn ly hôn, tự chuyển trường cho các con chứ anh H không đuổi chị N. Vì vậy chị N xin ly hôn thì chị N tự nuôi các con. Trường hợp không nuôi thì anh nuôi hai con Nguyễn Phương N, sinh ngày 09/12/2013 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/7/2016 mà không cần chị N cấp dưỡng. Hiện anh H làm công nhân sáng đi tối về, thu nhập của anh H như thế nào ông không nắm được, mặc dù ông Hải đã trình bày nhưng không ký biên bản, có sự chứng kiến của lãnh đạo thôn.

+ Kết quả làm việc với bà Đoàn Thị L (mẹ chị N) xác định: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh chị như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng một thời gian ngắn rồi ra ở riêng. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh H mãi chơi, đi làm nhưng không đưa tiền cho vợ, về kinh tế chủ yếu do chị N gánh vác nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Mặc dù hai bên gia đình đã tham gia hòa giải nhiều

lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 8/2024, chị N đưa các con ra thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Anh chị có hai con chung như chị N đã trình bày, trường hợp Tòa án giao hai con cho chị N nuôi dưỡng, bà sẽ thuyết phục chị N về nhà bà sinh sống, tạo điều kiện về chỗ ăn ở đủ để mẹ con chị N sinh hoạt và hỗ trợ chị N nuôi con với những điều kiện tốt.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã Q và đoàn thể xã Q (nay là xã Tứ Kỳ) đều cung cấp: Anh H, chị N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương cùng với bố mẹ anh H một thời gian thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, vợ chồng không tin tưởng nhau, vì vậy mà nhiều lần xảy ra cãi vã, to tiếng. Nay, chị N xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Vợ chồng có 02 con chung như chị N đã trình bày, hiện đang ở với mẹ. Đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh H vẫn sinh sống ở địa phương và đi làm công nhân, sáng đi tối về, còn cụ thể anh làm ở đâu, thu nhập như thế nào địa phương không nắm được.

Ngày 25/6/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an TP Hải Phòng xác nhận anh Nguyễn Văn H không có thông tin cấp hộ chiếu và không xuất cảnh.

Tại phiên tòa, chị N xin giải quyết, xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 09/12/2013 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/7/2016 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa

hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 12/7/2012 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Theo chị N trình bày, anh H mãi chơi, không quan tâm, chăm sóc vợ con, mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình chủ yếu do một mình chị gánh vác từ đó mà vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Lời khai của chị N phù hợp với lời khai của ông H1 (bố đẻ anh H) và bà L (mẹ đẻ chị N) và cung cấp của chính quyền xã Q, anh chị đã nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N đã đưa các con ra ngoài thuê nhà trọ ở từ tháng 8/2024, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định anh H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng), hiện đi làm công nhân. Chị N đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã Q xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi được giao các văn bản tố tụng thì anh H không đến làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm được coi là cố tình gây khó khăn cho chị N trong việc ly hôn và cũng không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, chị N vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 09/12/2013 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/7/2016. Xét quan điểm của chị N xin được nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Các con chung đang ở với chị mẹ, do chị N trực tiếp chăm sóc, phát triển tốt. Hiện chị N làm lao động tự do, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con, anh H không đến Tòa án làm việc và thể hiện ý kiến quan điểm về con chung. Mặt khác cháu N và cháu P đều trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, thể hiện quan điểm. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần tiếp tục giao các con chung là Nguyễn Phương N, và Nguyễn Mai P cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho Đoàn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 09/12/2013 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/7/2016 cho đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0005817 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11- Hải Phòng;
 - Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
 - UBND xã T- TP Hải Phòng
- (đề ghi vào sổ hộ tịch, số ĐKKH 12);
- Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân